

Bản án số: 682/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2019

V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hề
2. Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Cao Hoàng Thắng - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 142/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2703/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Duy Cường**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: số 60 đường B6, Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Le Hanh**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: số 571 Rideau Gate Mississauga On L5B2W2, Canada. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22.3.2018 và trong quá trình tố tụng, ông Nguyễn Duy Cường - nguyên đơn trình bày:

Tháng 6.2016, Ông và bà Le Hanh tìm hiểu và tự nguyện sống chung sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 67 ngày 13.7.2016).

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung đến tháng 12.2016 thì bà Le Hanh về Canada sinh sống, làm việc và kể từ lúc rời khỏi Việt Nam đến nay bà Le Hanh chưa lần nào trở về cũng không liên lạc gì với chồng. Do không thể tiếp tục chung sống với nhau nên ông Cường yêu cầu được ly hôn với bà Le Hanh để ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Cường khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.



án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 13.7.2016 của Ủy ban nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Duy Cương và bà Le Hanh là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của ông Nguyễn Duy Cương thì sau khi kết hôn thời gian vợ chồng sống chung với nhau rất ngắn, sau đó bà Le Hanh về Canada sinh sống, làm việc; từ khi rời khỏi Việt Nam đến nay bà Le Hanh không về nên vợ chồng không có điều kiện sống chung với nhau dẫn đến tình cảm phai nhạt dần. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã làm thủ tục ủy thác tư pháp đồng thời thông báo cho bà Le Hanh biết yêu cầu ly hôn của ông Cương và ngày Tòa án sẽ mở phiên tòa xét xử nhưng không nhận được ý kiến trả lời; điều này cho thấy bà Le Hanh không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với ông Cương, như vậy việc hàn gắn là không còn biện pháp. Xét thấy cuộc sống chung giữa ông Nguyễn Duy Cương và bà Le Hanh không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông Cương có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là nguyện vọng chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Ông Cương khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Duy Cương chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Duy Cương.
 - Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Duy Cương được ly hôn với bà Le Hanh.
 - Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.
2. Về án phí: Ông Nguyễn Duy Cương chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

